TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2024/HC-PT
Ngày: 27/02/2024
V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Trần Đức Kiên**

Các Thẩm phán: ông **Vũ Thanh Liêm**

ông **Đinh Phước Hoà**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Dương Thị Tuyết Trinh**, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phạm Tấn Ánh**, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 227/2023/TLPT-HC ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"*.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2024/QĐ-PT ngày 25 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: bà **Tô Thị P**, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: tổ dân phố 4, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: ông **Võ Trường G**, sinh năm 1992; địa chỉ cư trú: nhà số 27 đường T1, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền ngày 02/3/2023), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Người bị kiện:

2.1. Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ trụ sở: số 09 đường L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Phạm Ngọc N**; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Lắk: ông **Nguyễn Thiên V**; chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk (Giấy ủy quyền số 11111/GUQ-UBND ngày 15/12/2023), vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

2.2. Uỷ ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ trụ sở: số 01 đường L1, phường T3, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Vũ Văn H**; chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo uỷ quyền của Chủ tịch UBND thành phố B: ông **Lê Đại Th**; chức vụ: Phó Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố B, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố B: ông **Phạm Văn N**; chức vụ: Trưởng phòng Kỹ thuật - Giải phóng mặt bằng Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người kháng cáo: Người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện bà Tô Thị P do ông Nguyễn Trường Giang đại diện theo ủy quyền trình bày:

Bà Tô Thị P nhận chuyển nhượng của bà Phí Thị K (là mẹ ruột của bà P) lô đất của Công ty TNHH MTV cà phê B theo Hợp đồng liên kết số 60Đ/2012/HĐ có hiệu lực từ năm 2013 đến năm 2038. Trong suốt quá trình nhận khoán, gia đình bà P thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ tài chính đối với Công ty TNHH MTV cà phê B.

Vừa qua, bà P nhận được thông báo của Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk về việc nhận tiền bồi thường theo Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022. Lúc này bà P mới được biết toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản trên đất của gia đình bà đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án "*Xây dựng công trình hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B"*, Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B không giải quyết đầy đủ các khoản bồi thường, hỗ trợ cho gia đình bà P, cụ thể như sau:

Đối với việc bồi thường tài sản gắn liền với đất:

UBND thành phố B không bồi thường đối với nhà và cây cối, các tài sản gắn liền trên đất được hình thành từ sau khi có Quyết định thu hồi đất 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk là không phù hợp. Bởi lẽ:

UBND có thẩm quyền không gửi Thông báo thu hồi đất đến người dân là vi phạm khoản 1 Điều 67; điểm a khoản 1 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 53 Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ. Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk không được

gửi cho các hộ dân có đất bị thu hồi, không được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất bị thu hồi trong suốt thời gian thu hồi đất. Điều này dẫn đến việc các hộ dân không biết việc thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất đến khi được thông báo. Quá trình sử dụng đất, bà P cũng không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Do đó, các tài sản gồm cây trồng, vật kiến trúc trên đất mà bà P tạo lập trong giai đoạn từ năm 2017 (khi có quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh) đến khi có phương án bồi thường của UBND thành phố đều hợp pháp và được bồi thường theo khoản 1 Điều 88 Luật Đất đai năm 2013, mục 4 khoản 9 Điều 1 Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Việc UBND thành phố xác định các tài sản này được tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất nên không được bồi thường theo khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 là không phù hợp vì khoản 2 Điều 92 Luật Đất đai năm 2013 quy định chỉ không bồi thường đối với các tài sản gắn liền với đất được hình thành sau khi có Thông báo về việc thu hồi đất.

Các khoản hỗ trợ khác:

- Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: ngày 15/10/2015, bà Phí Thị K (nay đã chết) chuyển nhượng Hợp đồng liên kết và tài sản trên đất cho con gái là bà Tô Thị P, bà P đang sử dụng thửa đất trên từ đó đến nay và việc chuyển nhượng được Công ty TNHH MTV cà phê B biết và chấp thuận. Vì vậy, việc UBND thành phố B không hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất cho bà P là không đúng quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) thì:

- Hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Theo điểm b khoản 2 Điều 83, khoản 1 Điều 84 Luật Đất đai năm 2013; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai) và khoản 1 Điều 18 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì gia đình bà P là hộ gia đình trực tiếp sản xuất nông nghiệp trên phần diện tích đất nhận khoán nên đủ điều kiện để được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Do đó, việc UBND thành phố B không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho bà P là không đúng quy định của pháp luật.

- Tại Bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường đất, nhà, vật kiến trúc và cây cối hoa màu thì Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đắk Lắk căn cứ Điều 4, Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 13/04/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk không hỗ trợ đối với số cây trồng vượt mật độ trên 100%. Tuy nhiên, khoản 5 Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì: cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường được trồng trước khi có thông báo thu hồi đất được hỗ trợ theo từng thời

điểm sử dụng đất. Căn cứ theo quy định ở trên thì bà P phải được hỗ trợ đối với cây trồng gắn liền với đất không đủ điều kiện bồi thường.

Ngoài ra, theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Quy định hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/03/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì gia đình bà P còn được hỗ trợ khác. Mức hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với diện tích thu hồi, diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhưng hộ bà P cũng không được hỗ trợ.

Vì vậy, bà Tô Thị P khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

1/ Huỷ một phần Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Buộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành lại Quyết định thu hồi đất theo đúng quy định của pháp luật.

2/ Huỷ một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Uỷ ban nhân dân thành phố B. Buộc UBND thành phố B ban hành lại Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất đối với các khoản sau: Hỗ trợ về cây trồng, tài sản tạo lập sau thời điểm ban hành quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017; Hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; Hỗ trợ đào tạo nghề, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; Hỗ trợ cây trồng vượt mật độ 100%; Hỗ trợ khác.

Ngày 31/3/2023, người khởi kiện có đơn xin rút một phần đơn khởi kiện đối với yêu cầu Huỷ một phần Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Buộc UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành lại Quyết định thu hồi đúng quy định của pháp luật.

**** Theo bản tự khai gửi Tòa án, Uỷ ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk trình bày:***

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7 m^2 đất của Công ty TNHH MTV cà phê B, giao diện tích 897.744,7m^2 đất trong tổng số diện tích đất thu hồi nêu trên cho Trung tâm Phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng và quy định của pháp luật; giao diện tích 4.240.315m^2 đất còn lại cho UBND thành phố B quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật. UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất của Công ty TNHH MTV Cà phê B do giải thể đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 65 Luật Đất đai năm 2013 và điểm b Khoản 1 Điều 65 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ. Bà Tô Thị P chỉ sử dụng đất trên diện tích đất của Công ty TNHH MTV cà phê B.

Do đó, bà Tô Thị P yêu cầu hủy một phần Quyết định số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk, buộc UBND tỉnh ban hành lại Quyết định thu hồi đất là không có cơ sở. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn khởi kiện của Bà Tô Thị P.

**** Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày:***

Bà Tô Thị P đang sử dụng thửa đất số 26, tờ bản đồ số 07, diện tích 4668,4m^2 có nguồn gốc nhận chuyển nhượng lại đất của bà Phí Thị K là hộ liên kết sản xuất đất trồng cà phê với Công ty TNHH MTV Cà phê B tại Hợp đồng số 60 Đ1/2012/HĐ. Năm 2017, UBND tỉnh Đắk Lắk thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cà phê B *(do Công ty giải thể)* giao Trung tâm phát triển quỹ đất Đắk Lắk quản lý tại Quyết định 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, trong đó có thửa đất do bà P đang sử dụng.

Ngày 29/12/2022, UBND thành phố B ban hành Quyết định số 10635/QĐ-UBND, trong đó kinh phí bồi thường, hỗ trợ cho bà Tô Thị P là 334.357.251 đồng (diện tích thu hồi 3.595,7 m^2*)*, bà Tô Thị P đã nhận và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công thực hiện dự án.

- Đối với nội dung bà Tô Thị P khởi kiện liên quan đến việc bồi thường tài sản gắn liền với đất tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất: căn cứ Công văn số 11855/UBND - NNMT ngày 31/12/2020 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì tài sản phát sinh sau ngày 04/01/2017 (*ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi đất của Công ty TNHH MTV cà phê B*) thì không được bồi thường, hỗ trợ.

- Đối với nội dung bà Tô Thị P yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

+ Tại Hợp đồng chuyển nhượng ngày 15/10/2015 giữa bà Phí Thị K và bà Tô Thị P có dấu hiệu làm sai lệch về thời điểm, bởi lẽ: Hợp đồng chuyển nhượng đề ngày 15/10/2015 nhưng Chứng minh thư nhân dân của bà Phí Thị K lại ghi: "được cấp vào ngày 30/5/2018", tức là sau đó 03 năm. Đây là Hợp đồng viết tay giữa 02 bên, không được Chính quyền địa phương hoặc Công ty TNHH MTV cà phê B ký xác nhận.

+ Tại Biên bản đối chiếu và kê khai diện tích đất ngày 09/01/2017, Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV cà phê B có ký xác nhận vào mục: *"Tình trạng sang nhượng: Chuyển nhượng (cho) con gái là bà Tô Thị P theo Hợp đồng chuyển nhượng diện tích cà phê liên kết ngày 15/10/2015"*. Nội dung này được Hội đồng giải thể xác nhận sau 05 ngày kể từ ngày UBND tỉnh Đắk Lắk có Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017.

+ Bà Tô Thị P không có hợp đồng liên kết, hợp đồng nhận khoán với Công ty Cà phê B.

Căn cứ khoản 5, khoản 6, Điều 4 nghị định 01/2017/ NĐ-CP ngày 06/01/2017, bà Tô Thị P không thuộc trường hợp được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

- Đối với nội dung bà Tô Thị P khởi kiện liên quan đến việc hỗ trợ khác: căn cứ Điều 20, Quyết định 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của UBND tỉnh Đắk Lắk, bà Tô Thị P không thuộc trường hợp được hỗ trợ khác.

P án bồi thường, hỗ trợ đối với bà Tô Thị P được UBND thành phố B phê duyệt tại Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 đã đảm bảo quy định của Pháp luật. Do đó các nội dung khởi kiện của bà Tô Thị P là không có

cơ sở xem xét, giải quyết. Đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bác đơn của bà Tô Thị P.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 18/8/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk: áp dụng điểm d khoản 2 Điều 83, Điều 84, Điều 90 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk; căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị P.

1.1. Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B (Đợt 2 và đợt 3) về nội dung không hỗ trợ các tài sản tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk; không hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không hỗ trợ khác cho hộ bà Tô Thị P.

1.2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ bà Tô Thị P về nội dung: hỗ trợ các tài sản tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk; hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ khác theo đúng quy định của pháp luật.

2. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị P về việc buộc UBND thành phố B bồi thường, hỗ trợ đối với cây trồng vượt mật độ 100%.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị P về việc hủy Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk và buộc UBND tỉnh Đắk Lắk phải ban hành lại quyết định thu hồi đất.

Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần án phí và thông báo quyền kháng cáo theo luật định.

- Ngày 30/8/2023, người bị kiện UBND thành phố B kháng cáo đề nghị Toà án cấp phúc thẩm: sửa bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị P.

- Ngày 31/8/2023, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định kháng nghị số 586/QĐ-VKS-HC, đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng: bác yêu cầu khởi kiện về nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, bồi

thường cây trồng hình thành trên đất sau thời điểm có Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Ngày 30/8/2023, người bị kiện UBND thành phố B kháng cáo bản án sơ thẩm, Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 206; Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là đúng thời hạn quy định tại khoản 1 Điều 213 của Luật Tố tụng hành chính, do đó được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên toà, các đương sự đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 168 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng giữ nguyên Quyết định kháng nghị số 586/QĐ-VKS-HC ngày 31/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, chấp nhận Kháng nghị, chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện UBND thành phố B và sửa bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của người bị kiện, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, thấy:

[2.1]. Về nguồn gốc, sử dụng thửa đất bị thu hồi:

Theo Hợp đồng giao khoán đất liên kết sản xuất cà phê số 60Đ1/2012/HĐ ngày 10/6/2013 (bút lục 24) thì bà Phí Thị K nhận khoán sản xuất cà phê với Công ty TNHH MTV cà phê B *(nay đã giải thể, sau đây viết tắt là Công ty)* thửa đất số 12 tờ bản đồ số 07 với diện tích là 6.254 m^2 đất trồng cà phê. Thời hạn hợp đồng là 25 năm từ ngày 10/6/2013 đến 31/12/2038 và đã được UBND tỉnh thu hồi tại Quyết định số 07 ngày 04/01/2017. Ngày 15/10/2015, bà K sang nhượng cho bà Tô Thị P (con gái ruột), từ sau khi chuyển nhượng, bà P đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của người được giao khoán, phía Công ty đã biết và đã tiến hành lập biên bản đối chiếu và kê khai diện tích đất hợp đồng giao khoán, liên kết ngày 09/01/2017 (bút lục 26). Tại Biên bản về việc xác minh hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp ngày 08/12/2021 của UBND phường T xác nhận hộ gia đình bà P đang trực tiếp sản xuất nông nghiệp, có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp.

[2.2]. Xét nội dung kháng cáo liên quan đến các khoản bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất:

- Đối với yêu cầu bồi thường các cây trồng gắn liền với đất tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất của UBND tỉnh Đắk Lắk:

Ngày 04/01/2017, UBND tỉnh Đắk Lắk ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7m^2 đất của Công ty TNHH MTV Cà phê B, giao cơ quan chức năng quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế

hoạch sử dụng và quy định của pháp luật. Tại khoản 2 Điều 92 của Luật Đất đai năm 2013 quy định về trường hợp Nhà nước thu hồi đất không được bồi thường tài sản gắn liền với đất, có nội dung *"2. Tài sản gắn liền với đất được tạo lập trái quy định của pháp luật hoặc tạo lập từ sau khi có thông báo thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền".* Thấy rằng, từ thời điểm tháng 01/2017, bà Tô Thị P đã biết được toàn bộ diện tích đất do bà Phí Thị K nhận giao khoán từ Công ty TNHH MTV cà phê B đã bị thu hồi do Công ty TNHH MTV cà phê B giải thể, cụ thể tại Biên bản đối chiếu kê khai diện tích đất hợp đồng giao khoán, liên kết ngày 09/01/2017 có sự tham gia của 03 bên gồm đại diện Hội đồng giải thể Công ty (bên A), đại diện hộ nhận khoán, liên kết bà Phí Thị K (bên B) và sự có mặt của bà Tô Thị P bên nhận chuyển nhượng từ bà K. Do đó, đối chiếu Điều 92 Luật Đất đai đã được viện dẫn ở trên thì các tài sản, cây trồng do bà P tạo lập trên diện tích đất bà K đã nhận khoán trước đó tính từ thời điểm tháng 01/2017 không được bồi thường.

Tòa án cấp sơ thẩm nhận định:*"Mặc dù đã ban hành quyết định thu hồi đất nhưng trên thực tế, hộ bà Tô Thị P vẫn tiếp tục được sử dụng đất; quá trình sử dụng đất từ sau khi có quyết định thu hồi đất, hộ bà P không bị chính quyền địa phương nhắc nhở hay lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính về đất đai. Dẫn đến hộ bà P không biết việc đất bị thu hồi mà vẫn canh tác, tạo lập tài sản trên đất. Do đó các cây trồng trên đất mà hộ bà P tạo lập sau khi có quyết định thu hồi đất là hợp pháp"*, nhận định trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không đúng, từ đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P, buộc UBND thành phố B phải bồi thường cây trồng trên đất hình thành sau thời điểm có Quyết định thu hồi số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017, là áp dụng không đúng quy định pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của người bị kiện, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk, sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị P về nội dung này.

- Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm:

Bà Tô Thị P nhận chuyển nhượng vườn cây nhận khoán từ bà Phí Thị K, bên giao khoán là Công ty TNHH MTV cà phê B biết nhưng không phản đối. Theo Biên bản về việc xác minh hộ gia đình, cá nhân trực tiếp sản xuất nông nghiệp (bút lục 27) thì hộ bà P gồm có 03 người làm nông, là hộ trực tiếp sản xuất nông nghiệp và có nguồn thu nhập ổn định từ sản xuất nông nghiệp. Do đó, theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 19; khoản 1 Điều 20 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 5, khoản 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ); Điều 17, Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk thì gia đình bà P thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm, mức hỗ trợ theo điểm c khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu này của người khởi kiện là có căn cứ, do đó nội dung

kháng cáo của UBND thành phố B cũng như Kháng nghị của Viện kiểm sát về phần này không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

- Đối với yêu cầu hỗ trợ khác:

Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: *Ngoài việc hỗ trợ quy định tại các Điều 19, 20, 21, 22, 23 và 24 của Nghị định này, căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định biện pháp hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất và công bằng đối với người có đất thu hồi;...".*

Khoản 3 Điều 20 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk, quy định đối tượng, điều kiện được hỗ trợ khác như sau:

"3. Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất do nhận giao khoán theo các quy định của pháp luật về giao khoán nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản (không bao gồm rừng đặc dụng, rừng phòng hộ) thuộc đối tượng được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP nhưng diện tích đất mà hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đã được Ủy ban nhân dân tỉnh thu hồi của các nông, lâm trường quốc doanh hoặc công ty nông, lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh giao địa phương, tổ chức dịch vụ công về đất đai quản lý, lập phương án sử dụng đất, khai thác quỹ đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật nhưng tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hộ gia đình, cá nhân nhận giao khoán tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất (kể cả Hợp đồng còn thời hạn hoặc hết thời hạn) thì được hỗ trợ bằng 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đối với diện tích thu hồi; diện tích hỗ trợ không quá hạn mức giao đất theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh và được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất theo khoản 1, 3, 5 Điều 17 Quy định này".

Đồng thời, Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ không quy định đối với trường hợp thu hồi đất theo Điều 65 của Luật Đất đai thì không được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh cũng không có quy định đối với trường hợp đã được hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm thì không được hỗ trợ khác và ngược lại.

Hơn nữa, mức hỗ trợ theo khoản 3 Điều 20 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND được tính bằng: 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại x Diện tích đất thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất; còn mức hỗ trợ theo Điều 18 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND được tính bằng: 02 lần giá đất nông nghiệp cùng loại x Số nhân khẩu không hưởng lương hoặc chưa nghỉ hưu, nghỉ mất sức lao động, thôi việc được hưởng trợ cấp x Diện tích đất thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất/Số nhân khẩu trong hộ. Như vậy, đây là hai khoản hỗ trợ và mức hỗ trợ hoàn toàn khác nhau.

Bà Tô Thị P được hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm. Tại thời điểm lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bà P là người tiếp tục sử dụng đất do Nhà nước chưa chấm dứt việc sử dụng đất, đối chiếu với quy định nêu trên thì bà P đủ điều kiện hỗ trợ khác theo quy định.

Tuy nhiên, Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B (Đợt 2 và đợt 3) không hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không hỗ trợ khác cho hộ bà Tô Thị P là không đúng pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà P về các nội dung trên là phù hợp. Do đó kháng cáo của UBND thành phố B và kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk về nội dung trên không được Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận.

[3]. Từ các nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của Uỷ ban nhân dân thành phố B; chấp nhận một phần kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh Đắk Lắk và sửa bản án sơ thẩm.

[4]. Về án phí hành chính phúc thẩm: kháng cáo của người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk được chấp nhận một phần nên không phải chịu.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng hành chính.

- Chấp nhận một phần Quyết định kháng nghị số 586/QĐ-VKS-HC ngày 31/8/2023 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk;

- Chấp nhận một phần kháng cáo của người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

- Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 18/8/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Áp dụng: điểm d khoản 2 Điều 83, Điều 84, Điều 92 Luật Đất đai năm 2013; Điều 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 5, 6 Điều 4 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk quy định bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

Tuyên xử:

2.1. Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B (Đợt 2 và đợt 3) về nội dung không hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; không hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; không hỗ trợ khác cho hộ bà Tô Thị P.

2.2. Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B phải ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung khi Nhà nước thu hồi đất cho hộ bà Tô Thị P về nội dung: hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm; hỗ trợ khác theo đúng quy định của pháp luật.

2.3. Bác một phần yêu cầu khởi kiện của bà Tô Thị P về việc Hủy một phần Quyết định số 10635/QĐ-UBND ngày 29/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất để xây dựng công trình: Hạ tầng giao thông khu dân cư phía Bắc, phường T, thành phố B (Đợt 2 và đợt 3) về nội dung không hỗ trợ các tài sản tạo lập sau khi có Quyết định thu hồi đất số 07/QĐ-UBND ngày 04/01/2017 của UBND tỉnh Đắk Lắk.

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: căn cứ khoản 2 Điều 349 của Luật Tố tụng hành chính; áp dụng khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Người bị kiện Uỷ ban nhân dân thành phố B không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm;

- Hoàn trả cho Uỷ ban nhân dân thành phố B 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0004060 ngày 07/9/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

4. Các quyết định của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, được thi hành theo Bản án hành chính sơ thẩm số 123/2023/HC-ST ngày 18/8/2023 của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, P HCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Đức Kiên